



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

- Kiểm toán
- Audit
- Tư vấn Thuế
- Tax consulting
- Tư vấn Tài chính
- Financial advisory
- Thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp
- Valuation

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

---

**Tháng 03 năm 2018**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 25



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Bà Trần Thị Lệ Châm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hội	Ủy viên
Ông Đỗ Đình Quý	Ủy viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đỗ Đình Quý	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 13/03/2017)
Ông Phan Xuân Thanh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 13/03/2017)
Bà Doãn Thúy Dung	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17/03/2017)
Ông Đỗ Minh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 17/03/2017)

**Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty/Doanh nghiệp trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Đỗ Đình Quý	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 13/03/2017
Ông Phan Xuân Thanh	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 13/03/2017

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



*Đỗ Đình Quý*  
\_\_\_\_\_  
**Đỗ Đình Quý**  
**Tổng Giám đốc**

*Việt Trì, ngày 22 tháng 03 năm 2018*

Số. C  
TY  
H  
DÂN  
O  
HÀ

Số: 118 /VACO/BCKT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày ngày 22 tháng 03 năm 2018, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”).

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Dịch vụ Sông Hồng mà Công ty đầu tư vốn. Giá trị khoản đầu tư ghi nhận trên Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.000.000.000 VND. Theo đó, chúng tôi không có cơ sở để xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá (nếu có) đối với khoản đầu tư nêu trên.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



---

**Nguyễn Đức Tiến**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2018-156-1

---

**Phạm Xuân Sơn**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1450-2018-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
*Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2018*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>30.397.250.887</b>	<b>29.542.823.537</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>248.646.379</b>	<b>204.371.815</b>
1. Tiền	111	5	248.646.379	204.371.815
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>27.190.041.055</b>	<b>26.270.464.290</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	21.667.740.865	24.087.458.130
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.075.125.000	1.739.340.280
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.522.363.495	518.854.185
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(75.188.305)	(75.188.305)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>2.958.563.453</b>	<b>3.067.987.432</b>
1. Hàng tồn kho	141		3.141.987.886	3.251.411.865
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(183.424.433)	(183.424.433)
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>28.523.952.258</b>	<b>32.455.591.829</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>20.994.544.566</b>	<b>23.105.280.467</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	20.994.544.566	23.105.280.467
- Nguyên giá	222		120.385.999.742	118.726.282.742
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(99.391.455.176)	(95.621.002.275)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		156.772.727	156.772.727
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(156.772.727)	(156.772.727)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>185.626.891</b>	<b>176.810.407</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		185.626.891	176.810.407
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>7.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		6.000.000.000	6.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.000.000.000	1.000.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>343.780.801</b>	<b>2.173.500.955</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	343.780.801	2.173.500.955
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>58.921.203.145</b>	<b>61.998.415.366</b>





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>28.856.635.296</b>	<b>32.580.709.674</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>28.856.635.296</b>	<b>32.580.709.674</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	18.473.786.258	21.588.617.816
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	15.520.000	15.520.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.803.383.758	4.445.766.449
4. Phải trả người lao động	314		1.102.599.924	1.303.671.123
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	147.383.828	188.062.485
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	1.553.631.483	1.484.366.081
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	5.125.912.735	3.082.930.075
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		634.417.310	471.775.645
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>30.064.567.849</b>	<b>29.417.705.692</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>30.064.567.849</b>	<b>29.417.705.692</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		24.028.500.000	24.028.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		24.028.500.000	24.028.500.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.985.894.811	3.791.088.601
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.050.173.038	1.598.117.091
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		383.492.091	83.706.060
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.666.680.947	1.514.411.031
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>58.921.203.145</b>	<b>61.998.415.366</b>

  
  
**Đỗ Đình Quý**  
 Tổng Giám đốc  
 Việt Trì, ngày 22 tháng 03 năm 2018

  
**Ngô Thị Tuyết**  
 Kế toán trưởng

  
**Lê Thị Bùi Xuân**  
 Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		47.095.276.656	122.232.605.924
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	71.911.417
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	47.095.276.656	122.160.694.507
4. Giá vốn hàng bán	11	22	38.299.384.355	110.741.824.994
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		8.795.892.301	11.418.869.513
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	111.815.743	1.422.499.837
7. Chi phí tài chính	22	24	227.042.451	1.487.671.411
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		227.042.451	287.849.189
8. Chi phí bán hàng	25	25	421.708.940	4.203.903.675
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	5.851.973.586	5.215.790.391
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		2.406.983.067	1.934.003.873
11. Thu nhập khác	31		415.498.048	474.051.912
12. Chi phí khác	32		206.153.842	59.193.829
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		209.344.206	414.858.083
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.616.327.273	2.348.861.956
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	560.033.906	485.140.875
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.056.293.367	1.863.721.081



Đỗ Đình Quý  
Tổng Giám đốc

Việt Trì, ngày 22 tháng 03 năm 2018

Ngô Thị Tuyết  
Kế toán trưởng

Lê Thị Bùi Xuân  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Số năm nay</b>	<b>Số năm trước</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	81.551.795.089	132.101.720.060
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(39.283.337.671)	(91.766.814.012)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.868.330.160)	(5.979.683.496)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(218.650.450)	(288.397.627)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(613.856.944)	(494.020.222)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	147.194.595	1.658.567.089
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(34.126.152.743)	(33.834.623.301)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>588.661.716</b>	<b>1.396.748.491</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.659.717.000)	(525.893.637)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	154.545.454
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	213.936.553	3.401.100
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.445.780.447)</b>	<b>(367.947.083)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	16.361.065.277	16.550.491.562
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(14.318.082.617)	(17.010.685.485)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.141.589.365)	(966.487.735)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>901.393.295</b>	<b>(1.426.681.658)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>44.274.564</b>	<b>(397.880.250)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>204.371.815</b>	<b>602.252.065</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>248.646.379</b>	<b>204.371.815</b>



**Đỗ Đình Quý**  
**Tổng Giám đốc**  
 Việt Trì, ngày 22 tháng 03 năm 2018

**Ngô Thị Tuyết**  
**Kê toán trưởng**

**Lê Thị Bùi Xuân**  
**Người lập biểu**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Bia rượu Viger - doanh nghiệp nhà nước được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2106/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 24/07/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600103843 lần đầu ngày 29/12/2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 24/03/2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện hành là 24.028.500.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 71 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 75 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là

- Sản xuất bia;
- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ;
- Bán buôn đồ uống có cồn, bán buôn đồ uống không có cồn;
- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; Sản xuất nước giải khát có ga và không có ga; Sản xuất đồ uống không cồn;
- Sản xuất đồ uống có cồn được chưng cất hoặc pha chế các loại rượu mạnh: Rượu whisky, rượu gin, rượu mùi, đồ uống hỗn hợp...; Pha chế các loại rượu mạnh đã chưng cất; Sản xuất rượu mạnh trung tính;
- Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự; Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Sản xuất rượu vang; Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa); Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn thực phẩm khác; Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Sản xuất cồn etyllic; Bán buôn, bán lẻ cồn etyllic.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất bia

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có 01 công ty con và 01 công ty liên kết:

- Công ty con Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 100%.
- Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Dịch vụ Sông Hồng. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 20%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. LUẬT KẾ TOÁN MỚI**

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

*a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý (Tiếp theo)**

*b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*

*c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

*Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành; Cụ thể:

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty/Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với hoạt động sản xuất: giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với hoạt động thương mại: giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có một số hàng tồn kho chậm luân chuyển, nhưng Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá có thể tiếp tục sử dụng vào các kỳ sau, nên Công ty không xem xét trích lập dự phòng.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc, thiết bị	04 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh của Công ty, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo, tiếp thị sản phẩm phát sinh trong kỳ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành của Công ty.

**Nợ phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn điều lệ thực góp của các thành viên góp vốn. Vốn bổ sung hàng năm từ lợi nhuận của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty theo Quyết định của Hội đồng Quản trị. Năm 2017 Công ty đang tạm trích lập các quỹ mà chưa có Quyết định phê duyệt chính thức.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	53.169.691	27.710.830
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	195.476.688	176.660.985
	<b>248.646.379</b>	<b>204.371.815</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>21.667.740.865</b>	<b>24.087.458.130</b>
Công ty TNHH Một thành viên Viger Hà Nội	1.424.622.448	1.385.376.049
Công ty TNHH XNK và Thương mại Hợp Thịnh	18.024.025.000	22.544.025.000
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	1.957.682.240	-
Các đối tượng khác	261.411.177	158.057.081
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>3.382.304.688</b>	<b>1.385.376.049</b>
Công ty TNHH một thành viên Viger Hà Nội	1.424.622.448	1.385.376.049
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	1.957.682.240	-

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>4.075.125.000</b>	<b>1.739.340.280</b>
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty cổ phần	4.000.000.000	-
Công ty Thương mại và Tư vấn đầu tư	-	1.669.215.280
Các đối tượng khác	75.125.000	70.125.000
<b>b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>1.669.215.280</b>
Tổng Công ty Mía đường I - Công ty cổ phần	4.000.000.000	-
Công ty Thương mại và Tư vấn đầu tư	-	1.669.215.280

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>1.522.363.495</b>	<b>-</b>	<b>518.854.185</b>	<b>-</b>
Tạm ứng	182.780.000	-	202.346.559	-
Phải thu khác	1.339.583.495	-	316.507.626	-
- Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội	1.233.427.939	-	210.352.070	-
- Công ty CP Mía đường Sơn Dương	106.155.556	-	106.155.556	-
<b>b) Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan</b>	<b>1.339.583.495</b>	<b>-</b>	<b>316.507.626</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội	1.233.427.939	-	210.352.070	-
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	106.155.556	-	106.155.556	-

**9. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Lê Mỹ Nhuận	31.460.305	-	31.460.305	-
Thái Thị Yến	17.000.000	-	17.000.000	-
Công ty Cổ phần HTX Séc Việt	9.900.000	-	9.900.000	-
Nguyễn Quang Phúc	8.828.000	-	8.828.000	-
Hoàng Đình Khánh	8.000.000	-	8.000.000	-
	<b>75.188.305</b>	<b>-</b>	<b>75.188.305</b>	<b>-</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.342.493.271	(183.424.433)	2.735.213.153	(183.424.433)
Công cụ, dụng cụ	50.394.752	-	34.275.496	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	703.391.220	-	380.306.761	-
Thành phẩm	27.891.123	-	87.216.435	-
Hàng hóa	17.817.520	-	14.400.020	-
	<b>3.141.987.886</b>	<b>(183.424.433)</b>	<b>3.251.411.865</b>	<b>(183.424.433)</b>

**CÔNG TY CP BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT VIGER**  
 Khu 7, phường Thanh Miếu,  
 Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

MÃ SỐ B 09-DN  
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**11. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	12.401.783.427	99.214.572.961	6.966.344.172	143.582.182	118.726.282.742
- Mua trong năm	-	1.615.917.000	-	43.800.000	1.659.717.000
Số dư cuối năm	12.401.783.427	100.830.489.961	6.966.344.172	187.382.182	120.385.999.742
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	7.552.893.059	82.588.891.731	5.403.670.154	75.547.331	95.621.002.275
- Khấu hao trong năm	467.518.500	2.807.668.991	471.245.778	24.019.632	3.770.452.901
Số dư cuối năm	8.020.411.559	85.396.560.722	5.874.915.932	99.566.963	99.391.455.176
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	4.848.890.368	16.625.681.230	1.562.674.018	68.034.851	23.105.280.467
Tại ngày cuối năm	4.381.371.868	15.433.929.239	1.091.428.240	87.815.219	20.994.544.566

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 11.485.099.447 VND (ngày 31/12/2016 là 9.232.000.179 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định mang đi thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng tại ngày 31/12/2017 là 14.221.602.626 VND (ngày 31/12/2016 là 19.371.600.970 VND).

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Đầu tư vào công ty con	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
	<b>7.000.000.000</b>	-	<b>7.000.000.000</b>	-

(i) Giá trị hợp lý: Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết trên thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán và do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

**b) Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:**

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội	Quận Hai Bà Trung, TP. Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh các mặt hàng cồn, rượu, bia, nước giải khát các loại

Hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội trong năm 2017 là thương mại, kết quả kinh doanh có lãi.

**c) Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:**

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh và Dịch vụ Sông Hồng	TP. Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	20%	20%	Đúc kim loại màu

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Chi phí trả trước dài hạn</i>	<b>343.780.801</b>	<b>2.173.500.955</b>
Chi phí quảng cáo tiếp thị	-	107.717.623
Chi phí trợ cấp thôi việc	303.777.417	1.017.686.814
Công cụ dụng cụ	40.003.384	1.048.096.518

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>18.473.786.258</b>	<b>18.473.786.258</b>	<b>21.588.617.816</b>	<b>21.588.617.816</b>
Công ty CP Mía Đường Sơn Dương	16.984.025.000	16.984.025.000	21.504.025.000	21.504.025.000
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	1.263.489.750	1.263.489.750	-	-
Đối tượng khác	226.271.508	226.271.508	84.592.816	84.592.816
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>18.247.514.750</b>	<b>18.247.514.750</b>	<b>21.504.025.000</b>	<b>21.504.025.000</b>
Công ty CP Mía Đường Sơn Dương	16.984.025.000	16.984.025.000	21.504.025.000	21.504.025.000
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	1.263.489.750	1.263.489.750	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	<b>15.520.000</b>	<b>15.520.000</b>
Công ty TNHH Thương mại Du lịch Hoa Lâm	15.520.000	15.520.000

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
	VND	VND	VND	VND
<i>Phải nộp</i>				
Thuế giá trị gia tăng	378.656.356	4.752.140.730	4.633.374.917	497.422.169
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.952.709.103	24.466.153.375	27.173.722.976	1.245.139.502
Thuế thu nhập doanh nghiệp	105.140.875	560.033.906	613.856.944	51.317.837
Thuế thu nhập cá nhân	9.260.115	54.862.563	54.618.428	9.504.250
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	908.741.331	908.741.331	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	<b>4.445.766.449</b>	<b>30.744.931.905</b>	<b>33.387.314.596</b>	<b>1.803.383.758</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<b>147.383.828</b>	<b>188.062.485</b>
Lãi vay phải trả	10.209.486	1.817.485
Chi phí phải trả khác	137.174.342	186.245.000

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Phải trả khác ngắn hạn</i>	<b>1.553.631.483</b>	<b>1.484.366.081</b>
Bảo hiểm xã hội	16.067.491	6.906.214
Kinh phí công đoàn	25.794.880	32.497.255
Nhận ký cược ký quỹ	30.000.000	30.000.000
Phải trả khác	1.481.769.112	1.414.962.612
- Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương - bên liên quan	1.199.822.222	1.199.822.222
- Các đối tượng khác	281.946.890	215.140.390

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>5.125.912.735</b>	<b>5.125.912.735</b>	<b>14.318.082.617</b>	<b>16.361.065.277</b>	<b>3.082.930.075</b>	<b>3.082.930.075</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	5.125.912.735	5.125.912.735	9.713.209.767	13.556.192.427	1.282.930.075	1.282.930.075
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	4.604.872.850	2.804.872.850	1.800.000.000	1.800.000.000

Ghi chú:

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 454/2017-HĐTDHM/NHCT240-VIGER ngày 06/11/2017. Tổng hạn mức vay 7.000.000.000 VND duy trì đến ngày 31/10/2018. Mục đích sử dụng tiền vay để thanh toán chi phí vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và kinh doanh thương mại khác (đường, xăng dầu...) của Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 05 tháng đối với lĩnh vực sản xuất, không quá 3 tháng đối với lĩnh vực thương mại. Lãi suất cho vay thả nổi theo quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ tại thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng/lần theo thông báo điều chỉnh lãi suất. Khoản vay được đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản số 12.72.02/HĐTC/NHPT-BRV ngày 10/07/2012, 12.72.01/HĐTC/NHPT-BRV ngày 05/07/2012, 11.72.02/HĐTC/NHPT-VG ngày 21/11/2011, 11.72.01/HĐTC/NHPT-VG ngày 24/10/2011.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	<b>24.028.500.000</b>	<b>3.628.081.231</b>	<b>1.113.928.264</b>	<b>28.770.509.495</b>
Lãi trong năm	-	-	1.863.721.081	1.863.721.081
Phân phối lợi nhuận	-	163.007.370	(1.310.450.050)	(1.147.442.680)
Giảm khác	-	-	(69.082.204)	(69.082.204)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>24.028.500.000</b>	<b>3.791.088.601</b>	<b>1.598.117.091</b>	<b>29.417.705.692</b>
Lãi trong năm	-	-	2.056.293.367	2.056.293.367
Phân phối lợi nhuận (i)	-	194.806.210	(1.591.037.420)	(1.396.231.210)
Giảm khác (ii)	-	-	(13.200.000)	(13.200.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>24.028.500.000</b>	<b>3.985.894.811</b>	<b>2.050.173.038</b>	<b>30.064.567.849</b>

Ghi chú:

- (i) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết số 59/NQ-VIBECO-ĐHĐCĐ ngày 14/06/2017 của Đại hội đồng cổ đông: chia cổ tức năm 2016 số tiền 1.201.425.000 VND.

Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Quy chế tài chính của Công ty, trích lập các quỹ như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 194.806.210 VND
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 194.806.210 VND

Cổ tức đã trả trong năm là 1.141.589.365 VND.

- (ii) Khoản truy thu thuế GTGT

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện hành, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty là 24.028.500.000 VND. Tại ngày 31/12/2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, cụ thể như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	Tỷ lệ (%)	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Mía Đường	17.115.000.000	71,23	17.115.000.000	17.115.000.000
Các cổ đông khác	6.913.500.000	28,77	6.913.500.000	6.913.500.000
	<b>24.028.500.000</b>	<b>100,00</b>	<b>24.028.500.000</b>	<b>24.028.500.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
	VND	VND
<b>a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>47.095.276.656</b>	<b>122.232.605.924</b>
Sản phẩm bia	40.710.131.515	42.216.776.573
Sản phẩm rượu	17.227.272	36.782.948
Nước tinh khiết	70.173.227	113.824.549
Nước giải khát	2.821.664.197	610.587.264
Thương mại và dịch vụ khác	3.476.080.445	79.254.634.590
<b>b) Doanh thu đối với các bên liên quan</b>	<b>43.065.847.480</b>	<b>19.293.693.207</b>
Công ty TNHH MTV Viger Hà Nội	40.563.776.353	19.293.693.207
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	2.502.071.127	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>71.911.417</b>
- Chiết khấu thương mại	-	71.911.417
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>47.095.276.656</b>	<b>122.160.694.507</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
	VND	VND
<b>Tổng giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Trong đó:		
Sản phẩm bia	32.164.105.867	30.951.317.337
Sản phẩm rượu	16.451.980	32.298.963
Nước tinh khiết	34.823.084	41.936.024
Nước giải khát	2.643.794.764	536.882.012
Thương mại và dịch vụ khác	3.440.208.660	79.179.390.658
	<b>38.299.384.355</b>	<b>110.741.824.994</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.584.483	3.401.100
Cổ tức, lợi nhuận được chia	108.231.260	210.352.070
Lãi chậm trả	-	1.208.746.667
	<b>111.815.743</b>	<b>1.422.499.837</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	227.042.451	287.849.189
Lãi chậm trả	-	1.199.822.222
	<b>227.042.451</b>	<b>1.487.671.411</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Số năm nay	Số năm trước
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	47.143.675	26.414.628
Chi phí bao bì, đồ dùng văn phòng	163.300.189	1.361.398.237
Chi phí khấu hao TSCĐ	47.704.620	60.703.554
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.112.728	1.908.177.294
Chi phí bằng tiền khác	90.447.728	847.209.962
	<b>421.708.940</b>	<b>4.203.903.675</b>
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	1.810.319.710	1.609.537.113
Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng	251.952.557	90.930.981
Chi phí khấu hao TSCĐ	213.865.820	214.864.459
Thuế, phí và lệ phí	926.067.660	909.464.437
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.130.827.753	746.397.312
Chi phí dự phòng	-	-
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.518.940.086	1.644.596.089
	<b>5.851.973.586</b>	<b>5.215.790.391</b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Số năm nay	Số năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.434.763.789	18.904.986.985
Chi phí nhân công	7.695.658.081	7.323.503.817
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.766.252.901	3.407.009.068
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.806.701.348	6.860.899.393
Chi phí khác bằng tiền	2.763.056.249	4.434.313.740
	<b>41.466.432.368</b>	<b>40.930.713.003</b>

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Số năm nay	Số năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	2.616.327.273	2.348.861.956
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	183.842.260	76.842.421
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(108.231.260)	(210.352.070)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	292.073.520	287.194.491
- Chi phí phụ cấp HĐQT, BKS không chuyên trách	288.000.000	267.300.000
- Tiền phạt HC lĩnh vực thuế	4.073.520	19.894.491
Thu nhập chịu thuế	2.800.169.533	2.425.704.377
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	560.033.906	485.140.875
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<b>560.033.906</b>	<b>485.140.875</b>

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp, ngoài khoản 183.842.260 VND nói trên. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Theo Hợp đồng thuê đất số 376A/HĐTĐ ngày 17/08/2009 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ và Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger, Công ty được thuê 42.416,3 m<sup>2</sup> đất, thời hạn thuê đất là 40 năm kể từ ngày 01/01/1996, giá thuê đất theo quyết định của UBND tỉnh Phú Thọ.

Ngày 09/10/2012, UBND tỉnh Phú Thọ ra quyết định số 2698/QĐ-UBND thu hồi 27.205,3 m<sup>2</sup> để giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Dịch vụ Sông Hồng.

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	5.125.912.735	3.082.930.075
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(248.646.379)	(204.371.815)
Nợ thuần	4.877.266.356	2.878.558.260
Vốn chủ sở hữu	30.064.567.849	29.417.705.692
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>16,2%</b>	<b>9,8%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	248.646.379	204.371.815
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.932.136.055	24.328.777.451
Đầu tư tài chính dài hạn	7.000.000.000	7.000.000.000
	<b>30.180.782.434</b>	<b>31.533.149.266</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	5.125.912.735	3.082.930.075
Phải trả người bán và phải trả khác	20.027.417.741	23.072.983.897
Chi phí phải trả	147.383.828	188.062.485
	<b>25.300.714.304</b>	<b>26.343.976.457</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính riêng quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính riêng quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Rủi ro tín dụng (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	248.646.379	-	248.646.379
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.932.136.055	-	22.932.136.055
Đầu tư tài chính dài hạn	-	7.000.000.000	7.000.000.000
	<b>23.180.782.434</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>30.180.782.434</b>
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>			
Các khoản vay	5.125.912.735	-	5.125.912.735
Phải trả người bán và phải trả khác	20.027.417.741	-	20.027.417.741
Chi phí phải trả	147.383.828	-	147.383.828
	<b>25.300.714.304</b>	<b>-</b>	<b>25.300.714.304</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(2.119.931.870)</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>4.880.068.130</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	204.371.815	-	204.371.815
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.328.777.451	-	24.328.777.451
Đầu tư tài chính dài hạn	-	7.000.000.000	7.000.000.000
	<b>24.533.149.266</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>31.533.149.266</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>			
Các khoản vay	3.082.930.075	-	3.082.930.075
Phải trả người bán và phải trả khác	23.072.983.897	-	23.072.983.897
Chi phí phải trả	188.062.485	-	188.062.485
	<b>26.343.976.457</b>	<b>-</b>	<b>26.343.976.457</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(1.810.827.191)</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>5.189.172.809</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 ở mức cao, tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**Đỗ Đình Quý**  
Tổng Giám đốc  
Việt Trì, ngày 22 tháng 03 năm 2018

**Ngô Thị Tuyết**  
Kế toán trưởng

**Lê Thị Bùi Xuân**  
Người lập biểu

**Văn phòng Hà Nội**

Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319,  
Số 63 Lê Văn Lương, P. Trung Hòa,  
Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội  
Tel: +84-24 3577 0781  
Fax: +84-24 3577 0787  
Email: vacohn@vaco.com.vn  
Website: www.vaco.com.vn

**Văn phòng Hồ Chí Minh**

Tầng 6 tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ  
P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: +84-28 3840 6618  
Fax: +84-28 3840 6616  
Email: vacohcm@vaco.com.vn

**Văn phòng Đồng Nai**

79 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng,  
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai  
Tel: +84-251 3828 560  
Fax: +84-251 3828 560  
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

**Văn phòng Hải Phòng**

499 Quán Toan, P. Quán Toan  
Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng  
Tel: +84-225 353 4655  
Fax: +84-225 353 4316  
Email: vacohp@vaco.com.vn

**Ha Noi Office**

12A Floor, 319 Corporation Tower  
No. 63 Le Van Luong Street, Trung Hoa Ward,  
Cau Giay District, Hanoi City  
Tel: +84-24 3577 0781  
Fax: +84-24 3577 0787  
Email: vacohn@vaco.com.vn  
Website: www.vaco.com.vn

**Ho Chi Minh Office**

6<sup>th</sup> Floor, HUD Building, No.159 Dien Bien Phu Street  
Ward 15, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City  
Tel: +84-28 3840 6618  
Fax: +84-28 3840 6616  
Email: vacohcm@vaco.com.vn

**Dong Nai Office**

No. 79 Ha Huy Giap Street, Quyet Thang Ward,  
Bien Hoa City, Dong Nai Province  
Tel: +84-251 3828 560  
Fax: +84-251 3828 560  
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

**Hai Phong Office**

No. 499 Quan Toan Street, Quan Toan Ward  
Hong Bang District, Hai Phong City  
Tel: +84-225 353 4655  
Fax: +84-225 353 4316  
Email: vacohp@vaco.com.vn